

ALLOCATIONS STUDY

Summary of Channel 34 +: Lat: 25-59-34.0 N Lon: 80-10-27.0 W ERP: 120.000 kW

ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	Fac ID	City	Class	Type	ERP	Sep	Type	Status	Bearing	Dist	Clear and DU	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Conf	Svc dBu	Int Conf	Int dBu	Old Prop	New Prop	Total Pop	Pop Old	Pop New	Pop
WBFS-T12497	MIAMI	NTSC	LIC	5000.000 CM	Interf	230.02	4.6	104.3	-13	6.0	3	UHF	33 Z	A-1	LR	F(50.50)34	F(50.10)79	0.0%	0.0%	373892337389233737388							
WPXM 48808	MIAMI	NTSC	LIC	3240.000 CM	Interf	202.32	37.0	57.4	3	6.0	3	UHF	35 Z	A+1	LR	F(50.50)34	F(50.10)79	0.0%	0.4%	28710082871008288453							
WXEL-T61084	WEST PALM	NTSC	LIC	2140.000 M	N/C	354.05	85.3		32	6.0	3	UHF	42+	T+8	LR	F(50.50)34					N/C	N/C	N/C	N/C	N/C		
WTX 35575	FORT PINTSC	LIC	5000.000 CM	Clean	350.38	127.4	5.6	28	8.0	3	UHF	34 Z	C0	LR	F(50.50)64	F(50.10)38	0.0%	0.0%	133039813303981330398								
W24CA 8040	MIAMI	LPTV	APP	150.000 CM	Callsign	234.90	4.2	0.0	45	6.0	0	UHF	34+	C0	LR	F(50.50)74	F(50.10)29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W24CA 8040	MARATH	LPTV	CP	18.500 CM	Callsign	210.47	58.4	0.0	28	6.0	0	UHF	34-	C0	LR	F(50.50)74	F(50.10)46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W198JU 83150	SUNRIS	LPTV	LIC	75.300 CM	Clear	283.88	28.3	2.4	-9	6.0	0	UHF	19 +	T-15	LR	F(50.50)74	F(50.10)80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WCAY-L4382	KEY WEL	PTV	LJC	4.620 CM	Clear	225.20	223.0	13.2	45	6.0	0	UHF	34	C0	LR	F(50.50)74	F(50.10)29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WING-LT70885	PALM BIL	PTV	LJC	8.520 CM	Clear	8.60	81.4	66.5	-9	6.0	0	UHF	19 Z	T-15	LR	F(50.50)74	F(50.10)30	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WRXY-D71580	TICE	DTV	CP	1000.000 CM	Clear	289.00	183.9	90.1	-49	14.0	3	UHF	33	A-1	LR	F(50.90)41	F(50.10)39	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WFTX 70849	CAPE COD	DTV	CP	1000.000 CM	Clear	289.19	185.0	92.0	-48	14.0	3	UHF	35	A+1	LR	F(50.90)41	F(50.10)39	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WFTX 70849	CAPE COD	DTV	LIC	218.100 CM	Clear	289.20	185.0	97.9	-48	14.0	3	UHF	35	A+1	LR	F(50.90)41	F(50.10)39	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WFTX 70849	CAPE COD	DTV	LIC	218.100 CM	Clear	289.20	185.0	97.9	-48	14.0	3	UHF	35	A+1	LR	F(50.90)41	F(50.10)39	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WFTX 70849	CAPE COD	DTV	CP	218.100 CM	Clear	289.20	185.0	97.9	-48	14.0	3	UHF	35	A+1	LR	F(50.90)41	F(50.10)39	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W40BN 2258	PORT ST	LPTV	CP MOD26.800	CM	Clear	349.91	127.4	108.2	-3	8.0	0	UHF	35 -	A+1	LR	F(50.50)74	F(50.10)99	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WUSF-D89338	TAMPA	DTV	CP	475.000 CM	Clear	315.35	292.3	122.2	2	14.0	0	UHF	34	C0	LR	F(50.90)41	F(50.10)20	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WRXY-T71580	TICE	DTV	LIC	133.600 CM	Clear	289.00	183.9	122.9	-49	14.0	3	UHF	33	A-1	LR	F(50.90)41	F(50.10)99	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WRXY-T71580	TICE	DTV	LIC	133.600 CM	Clear	289.00	183.9	122.9	-49	14.0	3	UHF	33	A-1	LR	F(50.90)41	F(50.10)99	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WUSF-T88338	TAMPA	DTV	LIC	73.300 CM	Clear	315.35	292.3	155.5	2	14.0	3	UHF	34	C0	LR	F(50.90)41	F(50.10)20	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W34AW 86995	SARASO	LPTV	LIC	19.400 CM	Clear	303.70	272.8	217.1	45	6.0	0	UHF	34 +	C0	LR	F(50.50)74	F(50.10)29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WT'A 4108	ST. PET	NTSC	LIC	1410.000 D	Clear	315.27	291.8	259.8	-	3	UHF	38 Z	T+4	LR	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WT'A 4108	ST. PET	NTSC	CP	5000.000 D	Clear	315.27	281.8	259.8	-	3	UHF	38 Z	T+4	LR	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	